TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **556**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 12 - 2022
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sáu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Phước Tân;

2. Bà Nguyễn Thị Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Chúc Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà Mi – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 405/2022/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 808/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 11 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 869/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 13 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- <u>*Nguyên đơn*</u>: Bà Nguyễn Thị Kiều T1; sinh năm 1992; Địa chỉ: Tổ 15, ấp V, xã VH, huyện An Phú, tỉnh An Giang;

- <u>*Bị đơn*</u>: Ông Nguyễn Ngọc T2, sinh năm 1988; Địa chỉ: Tổ 15, ấp V, xã VH, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, bà T1 và ông T2 đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Kiều T1 và ông Nguyễn Ngọc T2 do tự tìm hiểu, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hội Đông, huyện An Phú, tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 128/HT ngày 09/11/2015. Nguyên nhân thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không

hòa hợp, ông T2 thường xuyên cờ bạc dẫn đến nợ nần. Bà T1 và ông T2 đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Hai bên gia đình đã Nều lần hàn gắn nhưng không thành. Xét tình cảm không còn, bà T1 xin ly hôn.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà T1 và ông T2 có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 10/02/2017. Hiện cháu N đang sinh sống cùng ông T2.

Bà T1 đồng ý để cháu Nguyễn Ngọc N cho ông T2 tiếp tục nuôi dạy sau ly hôn và đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tòa án đã triệu tập Nều lần nhưng ông T2 đều vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến, nên không ghi nhận được ý kiến của ông T2. Bà T1 có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải.

Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú, tình trạng hôn nhân:

Theo các biên bản xác minh cùng ngày 09/11/2022 thì ông Nguyễn Ngọc T2 có đăng ký hộ khẩu tại tổ 15, ấp V, xã VH, huyện An Phú, tỉnh An Giang. Bà Nguyễn Thị P (mẹ ông T2) cho biết: Sau khi cưới nhau thì bà T1 và ông T2 lên Bình Dương làm ăn. Bà Phụng có nghe hôn nhân giữa T1 và T2 có mâu thuẫn nhưng không rõ nguyên nhân. Con chung của T1 và T2 hiện do gia đình bà Phụng nuôi dưỡng. Bà P xin được tiếp tục nuôi cháu N sau khi T1, T2 ly hôn. Ngoài ra, bà P còn cho biết, bà P có nhận các văn bản của Tòa án, có thông tin cho T2 biết, ông T2 cũng đồng ý ly hôn. Nhưng do công việc làm ăn nên ông T2 không có mặt theo triệu tập của Tòa án.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử công bố đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ đương sự giao nộp và Tòa án thu thập. Theo đó, bà T1 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xin được ly hôn với ông T2. Đồng ý để ông T2 trực tiếp nuôi cháu N sau ly hôn và tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng. Gia đình ông T2 cũng có nguyện vọng nuôi dạy cháu N.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo trình bày của bà T1; tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà T1 và ông T2 đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T1. Về người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, đề nghị chấp nhận theo sự tự nguyện của bà T1 và nguyện vọng gia đình ông T2, giao con chung cho ông T2 trực tiếp nuôi dạy và công nhận sự tự nguyện của bà T1 về việc cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Kiều T1 khởi kiện xin ly hôn với ông Nguyễn Ngọc T2; đồng ý để ông T2 được trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn. Xác định quan hệ tranh chấp "ly hôn, nuôi con chung". Bị đơn ông Nguyễn Ngọc T2 có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại tổ 15, ấp V, xã VH, huyện An Phú, tỉnh An Giang, nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về việc đương sự vắng mặt: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Thông báo hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T2 vắng mặt không lý do; bà T1 có đơn xin không tham gia phiên tòa. Như vậy ông T2 đã tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng. Căn cứ Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử mà không qua thủ tục hòa giải và căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều T1 và bị đơn ông Nguyễn Ngọc T2.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo trình bày của bà T1, kết quả xác minh được biết, nguyên nhân mâu thuẫn trong tình cảm giữa bà T1 và ông T2 là do bất đồng quan điểm sống và ảnh hưởng đời sống kinh tế gia đình. Ông T2 còn thường tham gia tệ nạn, không quan tâm chăm lo cuộc sống gia đình. Bà T1 và ông T2 đã ly thân từ năm 2019. Trong thời gian ly thân, cũng như trong thời gian Tòa án tiến hành giải quyết vụ án, ông T2 không có hành động thể hiện sự hàn gắn và không có ý kiến về việc bà T1 xin ly hôn. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn tình cảm giữa bà T1 và ông T2 đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Kiều T1 là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Xét thấy cháu Nguyễn Ngọc N từ khi được sinh ra đã sống cùng gia đình ông T2. Cháu được bà P (bà nội) nuôi dạy tốt, bà T1 cũng đồng ý để cháu N cho gia đình ông T2 tiếp tục nuôi dạy. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu N cho ông T2 trực tiếp nuôi dạy sau ly hôn sẽ ổn định tâm lý, sự phát triển bình thường của cháu N và phù hợp nguyện vọng gia đình ông T2.

Công nhận sự tự nguyện của bà T1 về việc cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T1 không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét giải quyết. Nếu ông T2 có căn cứ xác định có tài sản chung, nợ chung thì khởi kiện và sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[3] Về chi phí tố tụng:

Về án phí, bà Nguyễn Thị Kiều T1 là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, ông Nguyễn Ngọc T2 không phải chịu án phí.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kiều T1,

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kiều T1 được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc T2.

Giấy chứng nhận kết hôn số 128/HT, ngày 09/11/2015 do Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hội Đông, huyện An Phú, tỉnh An Giang cấp cho ông Nguyễn Ngọc T2 và bà Nguyễn Thị Kiều T1 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Ngọc T2 được trực tiếp nuôi dạy con chung tên Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 10/02/2017.

Bà Nguyễn Thị Kiều T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng cho đến khi cháu N trưởng thành và tự lập được.

Bà Nguyễn Thị Kiều T1 và các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được trực tiếp nuôi con của ông Nguyễn Ngọc T2. Ngược lại, ông T2 và các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bà T1.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kiều T1 phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng án phí cấp dưỡng. Tổng án phí bà T1 phải chịu là 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà T1 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007106 ngày 28/9/2022. Bà T1 còn phải nộp thêm 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai vắng mặt bà Nguyễn Thị Kiều T1 và ông Nguyễn Ngọc T2. Thời hạn kháng cáo của bà T1 và ông T2 là 15 ngày kể từ ngày Bản án này được tống đạt hợp lệ theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện An Phú (1);
- THADS huyện An Phú (1);
- UBND xã VHĐ (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Văn Sáu